

Số: 216 /QĐ-SKHHCN

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp thành phố: “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng”

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 và các Nghị định thi hành;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3072/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3180/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp thành phố năm 2023;

Căn cứ: Biên bản họp Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố được thành lập theo Quyết định số 700/QĐ-SKHHCN ngày 21/11/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ; Biên bản họp thẩm định kinh phí ngày 11/3/2026 của của Tổ thẩm định kinh phí được thành lập theo Quyết định số 150/QĐ-SKHHCN ngày 03/3/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ; Báo cáo giải trình của Tổ chức chủ trì nhiệm vụ ngày 18/3/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Khoa học.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp thành phố với những nội dung sau:

1. Tên Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

2. Mã số: ĐT.YD.2025.992

3. Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ: PGS, TS. Trần Thị Thuý Hà, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Mục tiêu khoa học: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

6. Nội dung và quy mô nghiên cứu:

6.1. Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu.

6.2. Đánh giá thực trạng mắc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng công cụ thu thập thông tin khảo sát.

- Xây dựng công cụ trắc nghiệm tâm lý.

- Đánh giá thực trạng mắc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Đánh giá lâm sàng và cận lâm sàng.

6.3. Đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Xây dựng và chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ.

- Đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

6.4. Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 18 đến 30 tuổi bằng mô hình hồi quy đa biến.

- Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 30 đến 45 tuổi bằng mô hình quy đa biến.

- Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 45 đến 62 tuổi bằng mô hình hồi quy đa biến.

6.5. Nghiên cứu đề xuất giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Giải pháp chính sách và quản lý nhà nước.
- Giải pháp truyền thông và xã hội.
- Xây dựng bộ tài liệu Hướng dẫn sàng lọc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động và hướng dẫn quản lý cho y tế cơ sở.
- Xây dựng quy trình "Sàng lọc - Chuyển gửi - Quản lý".
- Xây dựng mô hình tích hợp.
- Tiến hành can thiệp theo mô hình tích hợp và đánh giá hiệu quả.

(Nội dung và quy mô nghiên cứu cụ thể theo thuyết minh được duyệt)

7. Sản phẩm khoa học:

- Bộ số liệu thực trạng mắc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động và Bộ số liệu thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Một số giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

- Bộ tài liệu hướng dẫn sàng lọc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động và hướng dẫn quản lý cho y tế cơ sở.

- Bài báo khoa học: Ít nhất 01 bài báo khoa học (quốc tế/trong nước).

- Kết quả tham gia đào tạo: Ít nhất 01 Thạc sỹ (hoặc 01 nghiên cứu sinh).

- Báo cáo tổng kết và các báo cáo thành phần.

8. Thời gian thực hiện nhiệm vụ: 24 tháng, từ tháng 4/2026 đến tháng 3/2028.

9. Kinh phí thực hiện:

- Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: 2.234.000.000 đồng (*Hai tỷ, hai trăm ba mươi tư triệu đồng*). Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước: 2.169.000.000 đồng (*Hai tỷ, một trăm sáu mươi chín triệu đồng chẵn*).

+ Nguồn ngoài ngân sách nhà nước khác: 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*).

- Phương thức khoán chi: Khoán từng phần, trong đó:

+ Kinh phí ngân sách nhà nước khoán: 1.637.400.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đồng*).

+ Kinh phí ngân sách nhà nước không khoán: 531.600.000 đồng (*Năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng*).

(Có dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Phòng Quản lý Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT. QLKH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Cao Thắng

MAU
DANG

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Quyết định số 26 /QĐ-SKHCCN ngày 28 tháng 9 năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng)*

Tên Đề tài: Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng.

Mã số: ĐT.YD.2025.992

Cơ quan chủ trì: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Đvt: Nghìn đồng

| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|----------|---|------------------|------------|--|------------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoản chi | Không khoản chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| I | Chi thù lao thực hiện đề tài: | 1.154.880 | 0 | 1.154.880 | 1.154.880 | 0 | | | |
| 1 | Nội dung 1: Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và tổng quan tài liệu | 31.680 | | 31.680 | 31.680 | | | | |
| | Tổng quan tài liệu và lý thuyết liên quan | 31.680 | | 31.680 | 31.680 | | | | |
| | Thành viên chính | 23.040 | | 23.040 | 23.040 | | 0,8 | 1 | 0,8 |
| | Nhóm thành viên | 8.640 | | 8.640 | 8.640 | | 0,4 | 2 | 0,8 |
| 2 | Nội dung 2: Đánh giá thực trạng mắc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 218.880 | | 218.880 | 218.880 | | | | |
| 2.1 | Công việc 2.1: Xây dựng công cụ thu thập thông tin khảo sát | 41.760 | | 41.760 | 41.760 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 11.520 | | 11.520 | 11.520 | | 0,4 | 2 | 0,8 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 1.440 | | 1.440 | 1.440 | | 0,2 | 1 | 0,2 |
| 2.2 | Công việc 2.2: Xây dựng công cụ trắc nghiệm tâm lý | 41.760 | | 41.760 | 41.760 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 11.520 | | 11.520 | 11.520 | | 0,4 | 3 | 0,8 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 1.440 | | 1.440 | 1.440 | | 0,2 | 1 | 0,2 |
| 2.3 | Công việc 2.3: Đánh giá thực trạng mắc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 67.680 | | 67.680 | 67.680 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |



| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|-----|---|----------------|------------|--|----------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 4 | 1,5 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 11.520 | | 11.520 | 11.520 | | 0,2 | 6 | 1,6 |
| 2.4 | Công việc 2.4. Đánh giá lâm sàng và cận lâm sàng | 67.680 | | 67.680 | 67.680 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 5 | 1,5 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 11.520 | | 11.520 | 11.520 | | 0,2 | 8 | 1,6 |
| 3 | Nội dung 3: Đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 122.400 | | 122.400 | 122.400 | | | | |
| 3.1 | Công việc 3.1: Xây dựng và chuẩn hóa bộ công cụ đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ | 57.600 | | 57.600 | 57.600 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |
| | Nhóm thành viên | 17.280 | | 17.280 | 17.280 | | 0,4 | 3 | 1,2 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 5.760 | | 5.760 | 5.760 | | 0,2 | 4 | 0,8 |
| 3.2 | Công việc 3.2: Đánh giá thực trạng can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 64.800 | | 64.800 | 64.800 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 5 | 1,5 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 8.640 | | 8.640 | 8.640 | | 0,2 | 5 | 1,2 |
| 4 | Nội dung 4: Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 172.800 | | 172.800 | 172.800 | | | | |
| 4.1 | Công việc 4.1: Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 18 đến 30 tuổi bằng mô hình hồi quy đa biến | 57.600 | | 57.600 | 57.600 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 23.040 | | 23.040 | 23.040 | | 0,4 | 4 | 1,6 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân | 5.760 | | 5.760 | 5.760 | | 0,2 | 2 | 0,8 |

| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|-----|---|----------------|------------|--|----------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| | viên hỗ trợ | | | | | | | | |
| 4.2 | Công việc 4.2: Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 30 đến 45 tuổi bằng mô hình quy đa biến | 57.600 | | 57.600 | 57.600 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 23.040 | | 23.040 | 23.040 | | 0,4 | 4 | 1,6 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 5.760 | | 5.760 | 5.760 | | 0,2 | 2 | 0,8 |
| 4.3 | Công việc 4.3: Phân tích các yếu tố liên quan ở nhóm lao động 45 đến 62 tuổi bằng mô hình hồi quy đa biến | 57.600 | | 57.600 | 57.600 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 23.040 | | 23.040 | 23.040 | | 0,4 | 4 | 1,6 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 5.760 | | 5.760 | 5.760 | | 0,2 | 2 | 0,8 |
| 5 | Nội dung 5: Nghiên cứu đề xuất giải pháp can thiệp bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động tại thành phố Hải Phòng | 384.480 | | 384.480 | 384.480 | | | | |
| 5.1 | Công việc 5.1: Giải pháp chính sách và quản lý nhà nước | 57.600 | | 57.600 | 57.600 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 23.040 | | 23.040 | 23.040 | | 0,4 | 3 | 1,6 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 5.760 | | 5.760 | 5.760 | | 0,2 | 2 | 0,8 |
| 5.2 | Công việc 5.2: Giải pháp truyền thông và xã hội | 51.840 | | 51.840 | 51.840 | | | | |
| | Thành viên chính | 28.800 | | 28.800 | 28.800 | | 0,8 | 1 | 1,0 |
| | Nhóm thành viên | 18.720 | | 18.720 | 18.720 | | 0,4 | 3 | 1,3 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 4.320 | | 4.320 | 4.320 | | 0,2 | 2 | 0,6 |
| 5.3 | Công việc 5.3: Xây dựng bộ tài liệu Hướng dẫn sàng lọc bệnh sa sút trí tuệ trong độ tuổi lao động và hướng dẫn quản lý cho y tế cơ sở | 63.360 | | 63.360 | 63.360 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 3 | 1,5 |

VIỆT N
 5 HẢI P
 NGHỆ

| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|-----|--|------------------|---------------|--|----------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 7.200 | | 7.200 | 7.200 | | 0,2 | 2 | 1,0 |
| 5.4 | Công việc 5.4: Xây dựng quy trình "Sàng lọc - Chuyển gửi - Quản lý" | 63.360 | | 63.360 | 63.360 | | | | |
| | Thành viên chính | 34.560 | | 34.560 | 34.560 | | 0,8 | 1 | 1,2 |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 3 | 1,5 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 7.200 | | 7.200 | 7.200 | | 0,2 | 2 | 1,0 |
| 5.5 | Công việc 5.5: Xây dựng mô hình tích hợp | 72.000 | | 72.000 | 72.000 | | | | |
| | Thành viên chính | 43.200 | | 43.200 | 43.200 | | 0,8 | 1 | 1,5 |
| | Nhóm thành viên | 21.600 | | 21.600 | 21.600 | | 0,4 | 3 | 1,5 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 7.200 | | 7.200 | 7.200 | | 0,2 | 2 | 1,0 |
| 5.6 | Công việc 5.6: Tiến hành can thiệp theo mô hình tích hợp và đánh giá hiệu quả | 76.320 | | 76.320 | 76.320 | | | | |
| | Thành viên chính | 43.200 | | 43.200 | 43.200 | | 0,8 | 1 | 1,5 |
| | Nhóm thành viên | 25.920 | | 25.920 | 25.920 | | 0,4 | 3 | 1,8 |
| | Nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 7.200 | | 7.200 | 7.200 | | 0,2 | 2 | 1,0 |
| 6 | Thù lao chủ nhiệm đề tài: 24 tháng x 20% x 1 x 36.000.000 đồng/tháng | 172.800 | | 172.800 | 172.800 | | | | |
| 7 | Thù lao thư ký đề tài: 24 tháng x 20% x 0,3 x 36.000.000 đồng/tháng | 51.840 | | 51.840 | 51.840 | | | | |
| II | Thuê chuyên gia | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| III | Nguyên vật liệu, năng lượng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| IV | Thiết bị, máy móc | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| V | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| VI | Chi khác | 1.079.120 | 65.000 | 1.014.120 | 482.520 | 531.600 | | | |
| 1 | Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ | 108.000 | 0 | 108.000 | 108.000 | 0 | | | |
| 2 | Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (02 buổi) | 25.600 | 0 | 25.600 | 25.600 | 0 | | | |
| 2.1 | Chi tiền họp | 21.000 | | 21.000 | 21.000 | | | | |
| | Chủ tịch hội đồng: 800.000 đồng/người/buổi x 2 buổi | 1.600 | | 1.600 | 1.600 | | | | |
| | Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng: | 7.200 | | 7.200 | 7.200 | | | | |

| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|----------|---|----------------|------------|--|----------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoán chi | Không khoán chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| | 600.000 đồng/người/buổi x 6 người/buổi x 2 buổi | | | | | | | | |
| | Thư ký khoa học: 150.000 đồng/người/buổi x 2 buổi | 300 | | 300 | 300 | | | | |
| | Thư ký hành chính: 150.000 đồng/người/buổi x 2 buổi | 300 | | 300 | 300 | | | | |
| | Đại biểu được mời tham dự: 100.000 đồng/người/buổi x 30 người/buổi x 2 buổi | 6.000 | | 6.000 | 6.000 | | | | |
| | Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 39 người/buổi x 2 buổi | 3.900 | | 3.900 | 3.900 | | | | |
| | Chi tiền hội trường, khánh tiết: 500.000 đồng/buổi x 2 buổi | 1.000 | | 1.000 | 1.000 | | | | |
| | Chi tiền tài liệu: 350.000 đồng/buổi x 2 buổi | 700 | | 700 | 700 | | | | |
| 2.2 | Chi nhận xét, đánh giá | 4.600 | | 4.600 | 4.600 | | | | |
| | Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng: 05 phiếu nhận xét đánh giá/buổi x 300.000 đồng/phiếu x 2 buổi | 3.000 | | 3.000 | 3.000 | | | | |
| | Nhận xét đánh giá của Ủy viên phản biện Hội đồng: 02 phiếu nhận xét đánh giá/buổi x 400.000 đồng/phiếu x 2 buổi | 1.600 | | 1.600 | 1.600 | | | | |
| 3 | Hội thảo khoa học (10 buổi) | 144.000 | 0 | 144.000 | 144.000 | 0 | | | |
| | Người chủ trì hội thảo: 2.000.000 đồng/người/buổi x 1 người/buổi x 10 buổi | 20.000 | | 20.000 | 20.000 | | | | |
| | Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/người/buổi x 1 người/buổi x 10 buổi | 5.000 | | 5.000 | 5.000 | | | | |
| | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 03 báo cáo/buổi x 2.000.000 đồng/báo cáo x 10 buổi | 40.000 | | 40.000 | 40.000 | | | | |
| | Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/người/buổi x 30 người/buổi x 10 | 60.000 | | 60.000 | 60.000 | | | | |

| TT | Nội dung | Tổng số | Nguồn khác | Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố | | | Ghi chú | | |
|-----------|---|------------------|---------------|--|------------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--|
| | | | | Tổng | Khoản chi | Không khoản chi | Hệ số lao động khoa học | Số người trong nhóm chức danh | Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh |
| | buổi | | | | | | | | |
| | Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 32 người/buổi x 10 buổi | 16.000 | | 16.000 | 16.000 | | | | |
| | Chi tiền tài liệu: 300.000 đồng/buổi x 10 buổi | 3.000 | | 3.000 | 3.000 | | | | |
| 4 | Tập huấn: 01 cuộc | 4.000 | 0 | 4.000 | 4.000 | 0 | | | |
| | Chủ trì: 500.000 đồng/buổi | 500 | | 500 | 500 | | | | |
| | Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 50 người/buổi x 1 buổi | 2.500 | | 2.500 | 2.500 | | | | |
| | Tài liệu, hội trường: 1.000.000đồng/buổi x 1 buổi | 1.000 | | 1.000 | 1.000 | | | | |
| 5 | Chi điều tra, khảo sát | 16.500 | 0 | 16.500 | 16.500 | 0 | | | |
| 5.1 | Chi xây dựng phương án và lập mẫu phiếu điều tra | 15.000 | | 15.000 | 15.000 | | | | |
| 5.2 | Chi hội nghị hoàn thiện mẫu phiếu điều tra | 1.500 | | 1.500 | 1.500 | | | | |
| | Chi giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi x 20 người x 1 buổi | 1.000 | | 1.000 | 1.000 | | | | |
| | Tài liệu: 500.000đ | 500 | | 500 | 500 | | | | |
| 6 | Chi cung cấp thông tin | 501.600 | 0 | 501.600 | 0 | 501.600 | | | |
| | Phiếu cá nhân: 10.032 phiếu x 50.000đ/phiếu | 501.600 | | 501.600 | | 501.600 | | | |
| 7 | Chi tiền công đi điều tra: 502 công x 200.000 đồng/công | 100.400 | 0 | 100.400 | 100.400 | 0 | | | |
| 8 | In ấn phiếu điều tra khảo sát, văn phòng phẩm... phục vụ điều tra | 15.000 | 0 | 15.000 | 15.000 | 0 | | | |
| 9 | Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra | 10.000 | 0 | 10.000 | 10.000 | 0 | | | |
| 10 | Khám lâm sàng và xét nghiệm cho các đối tượng đã được sàng lọc có SSTT | 65.000 | 65.000 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 11 | Tuyên truyền | 35.000 | 0 | 35.000 | 35.000 | 0 | | | |
| 12 | Xăng xe, thuê phương tiện vận chuyển | 30.000 | 0 | 30.000 | 0 | 30.000 | | | |
| 13 | Chế bản, photo, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc... | 24.020 | 0 | 24.020 | 24.020 | 0 | | | |
| | Tổng số | 2.234.000 | 65.000 | 2.169.000 | 1.637.400 | 531.600 | | | |